TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 3 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hoà

Ông Vũ Văn Long

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H; sinh năm: 1996; HKTT: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Hà Văn H1; sinh năm: 1995; HKTT: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh H1. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Hà Văn H1 kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ tháng 01/2019, nhưng mãi đến ngày 21/10/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng

không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Anh D, sinh ngày 27/01/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 11/2024, cháu D ở với anh H1 và ông bà nội, chị H hằng tháng vẫn gửi tiền về cho anh H1 nuôi con. Nếu ly hôn, chị giao cháu D cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D thành niên.

Về tài sản: Chị H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hà Văn H1 trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, anh không tu chí làm ăn mà chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị H1 nhiều lần khuyên bảo và cho cơ hội sửa chữa nhưng anh vẫn không thay đổi được. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Anh D, sinh ngày 27/01/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 11/2024, cháu D ở với anh H1, chị H hằng tháng vẫn gửi tiền về cho anh nuôi con. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D thành niên. Hiện anh đang làm lái xe, thu nhập bình quân hằng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ, anh đủ khả năng nuôi con nên anh chỉ yêu cầu chị H cấp dưỡng như trên.

Về tài sản: Anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hà Văn H1. Giao cháu Hà Anh D, sinh ngày 27/01/2020 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D thành niên. Chị H phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Hà Văn H1, nơi cư trú tại Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H1 không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H1 theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H1 đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Phạm Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Hà Văn H1 lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh H1 vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hà Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Chị H cương quyết muốn được ly hôn. Anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận tình trạng cuộc sống hôn nhân của anh chị đang mâu thuẫn như ý kiến trình bày của chị H, anh không tu chí làm ăn mà chơi bời dẫn đến nợ nần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Điều đó chứng tỏ chị H, anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung. Chị H và anh H1 đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu D đang ở với anh H1. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị H và anh H1: giao cháu D cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 11/2024, cháu D ở với anh H1, chị H hằng tháng vẫn gửi tiền về cho anh H1 nuôi con. Anh H1 đồng ý với mức đề nghị và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung theo ý kiến của chị H. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của anh H1 thấp hơn quy định của pháp luật, tuy nhiên đây là sự tự nguyện của anh H1. Hiện anh H1 đang làm lái xe, thu nhập bình quân hằng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ, anh nhận thấy với mức cấp dưỡng như vậy đủ khả năng nuôi con. Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D thành niên.

[4] Về tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hà Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Anh D, sinh ngày 27/01/2020 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D thành niên.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0002460 ngày 28/11/2024. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Thạch Lập;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh